

Về một số giá trị của người dân ở nông thôn Việt Nam ngày nay

Phan Đức Nam*

Nhận ngày 4 tháng 8 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 12 năm 2021.

Tóm tắt: Dựa trên dữ liệu khảo sát 300 hộ dân tại 3 tỉnh (Bắc Giang, Lâm Đồng và Cần Thơ)¹, bài viết tìm hiểu một số giá trị của người dân nông thôn hiện nay. Kết quả cho thấy, qua hơn 30 năm Đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, một số giá trị của người dân nông thôn đã có những chuyển biến quan trọng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được đề cao và phát huy, đó là gìn giữ tình làng nghĩa xóm, trọng gia đình, trọng cội nguồn, tổ tiên, phát huy tinh thần tương thân tương ái, phấn đấu, nỗ lực hướng tới sự giàu có,... Những giá trị văn hóa tốt đẹp đó cần được tiếp tục duy trì và thúc đẩy, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới.

Từ khóa: Giá trị, văn hóa, nông thôn, gia đình.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Based on survey data of 300 households in 3 provinces (Bắc Giang, Lâm Đồng and Cần Thơ), the article explores some values of people in the rural area today. The results show that, over the past 30 years of Đổi mới, implementing industrialisation and modernisation of agriculture and rural areas, some values of rural people have been significantly changed. Many traditional cultural values of the nation are upheld and promoted, that is, preserving the friendship of the village, respecting the family, respecting the roots and ancestors, promoting the spirit of mutual affection, striving towards wealth, etc. Those good cultural values need to be further maintained and promoted, especially in the context of new rural construction.

Keywords: Values, culture, countryside, family.

Subject classification: Sociology

* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: paduna777@yahoo.com

¹ Đề tài “Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp của Hội Nông dân Việt Nam trong vận động nông dân gìn giữ và phát triển văn hóa nông thôn, góp phần đẩy nhanh xây dựng nông thôn mới và hội nhập quốc tế”. Cơ quan chủ trì: Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Sau hơn 3 thập niên Đổi mới, tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt được nhiều thành tựu đáng kể, song quá trình này chủ yếu dựa vào xuất khẩu thô và đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong khi việc phát triển nguồn nhân lực còn khá hạn chế. Điều này đặt ra vấn đề đối với quá trình phát triển bền vững của đất nước là cần quan tâm nhiều hơn đến yếu tố con người, trong đó có khía cạnh văn hóa. Xã hội nông thôn Việt Nam có nhiều chuyển biến trong những năm qua, từ nền kinh tế kế hoạch hóa tự cung tự cấp sang kinh tế thị trường và hội nhập, chuyển từ mô hình xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp hóa, đô thị hóa. Quá trình này tạo nên sự thay đổi và tác động đến các nhóm xã hội ở nông thôn và giá trị của họ.

Xây dựng, phát triển nền văn hóa gắn chặt với xây dựng, phát triển con người là chủ trương đã được Đại hội XII của Đảng khẳng định: “Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hoá và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Những năm gần đây, việc nghiên cứu về con người và khu vực nông thôn dưới góc độ xã hội học có những cách tiếp cận khác nhau, trong đó khai thác hướng nghiên cứu về giá trị có ý nghĩa quan trọng và thiết thực.

Dựa trên khái niệm giá trị của Kluckhohn² (Mai Văn Hai, Mai Kiệm, 2009), một trong những định nghĩa được chấp nhận rộng rãi trong các tài liệu khoa học xã hội, tác giả bài viết xác định, giá trị là quan niệm, thái độ về những điều đáng quan tâm, ưa thích hay mong muốn (điều hay, lẽ phải, cái thiện, cái đẹp, cái tốt, điều nên làm,...) của các nhóm xã hội và nó có ảnh hưởng đến việc lựa chọn các phương thức, phương tiện hay mục tiêu hành động của các nhóm xã hội đó. Như vậy, giá trị mang yếu tố nhận thức và thể hiện sự đánh giá về đối tượng nhất định, đồng thời là cơ sở cho các quyết định trong hành vi, hay nói cách khác là mang ý nghĩa chuẩn mực hay tiêu chuẩn có liên quan tới những đánh giá đã được xác định của các nhóm xã hội.

Dựa trên một số kết quả của đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp của Hội Nông dân Việt Nam trong vận động nông dân gìn giữ và phát triển văn hóa nông thôn, góp phần đẩy nhanh xây dựng nông thôn mới và hội nhập quốc tế” do Hội Nông dân Việt Nam thực hiện năm 2019, bài viết nhận diện một số giá trị của người dân nông thôn ngày nay: tình làng nghĩa xóm, gia đình, làm giàu và tâm linh - tín ngưỡng.

² Kluckhohn cho rằng, “giá trị là quan niệm và điều mong muốn đặc trưng hay ẩn cho một cá nhân hay một nhóm và ảnh hưởng tới việc lựa chọn các phương thức, phương tiện hoặc mục tiêu của hành động”.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi đã sử dụng cách tiếp cận xã hội học thông qua bảng hỏi nghiên cứu gồm các biến số đo lường các chiều cạnh của một số giá trị cơ bản của người dân ở nông thôn. Nghiên cứu được thực hiện năm 2019, triển khai khảo sát bằng phương pháp phỏng vấn bảng hỏi trực tiếp giữa điều tra viên và người trả lời là người đại diện cho hộ (18 tuổi trở lên, nắm bắt rõ các thông tin về nhân khẩu, kinh tế - xã hội của gia đình) ở tất cả các địa bàn khảo sát, với tổng số 300 người, được chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống, dựa trên các tiêu chí đảm bảo đại diện về giới tính, tuổi, dân tộc, mức sống và nghề nghiệp, tại 3 tỉnh đại diện cho 3 vùng (Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long) là Bắc Giang, Lâm Đồng và Cần Thơ.

Về đặc điểm mẫu nghiên cứu, tỷ lệ nam, nữ tham gia khảo sát tương đối cân bằng (nam chiếm 52,7%, nữ chiếm 47,3%). Trình độ học vấn chủ yếu là trung học cơ sở chiếm khoảng một nửa số người trả lời (52%). Phần lớn người trả lời là nông dân, có công việc chính là nông nghiệp (chiếm 85,3%). Xét theo nhóm tuổi, người trả lời chủ yếu nằm trong nhóm 40-59 tuổi (56,7%), nhóm dưới 40 tuổi chiếm 17,3% và nhóm từ 60 tuổi trở lên chiếm 26%. Các hộ gia đình có mức sống phổ biến là trung bình (68%). Hộ có mức sống giàu có, khá giả chiếm 26,3%. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo chiếm tỷ lệ rất ít, chỉ 5,7%.

3. Một số giá trị của người dân nông thôn hiện nay từ kết quả nghiên cứu

3.1. Giá trị tình làng nghĩa xóm

Lối sống trọng tình làng nghĩa xóm là một đặc trưng của đời sống văn hóa cộng đồng, được biểu thị ở nhiều bình diện khác nhau. Giá trị tình làng nghĩa xóm không phải bây giờ mới có, mà đã được hình thành, tồn tại và phát triển hàng nghìn năm lịch sử (Mai Văn Hai, 2009). Trong xã hội truyền thống, tính cộng đồng làng xã được đề cao. Nghiên cứu này của chúng tôi cũng khẳng định vai trò của giá trị tình làng nghĩa xóm truyền thống trong đời sống nông thôn đương đại. Dưới đây chúng tôi phân tích một số biểu hiện của giá trị tình làng nghĩa xóm.

a) Quan niệm của người dân về “tình làng nghĩa xóm”

Quan hệ láng giềng là một quan hệ rất cơ bản trong xã hội nông thôn. Quan hệ này được xây dựng trên nguyên tắc của những người có chung lợi ích trong cùng một địa bàn cư trú. Chúng tôi đưa ra một số nhận định về giá trị tình làng nghĩa xóm và hỏi ý kiến người dân về các nhận định đó. Kết quả cho thấy, đa số người dân đều đồng tình với các quan niệm về tình làng nghĩa xóm, 98% người dân đồng ý với nhận định “Hàng xóm tôi lửa tắt đèn có nhau”, 89,3% đồng ý rằng “Lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều”, 79% đồng ý với nhận định “Bán anh em xa, mua láng giềng gần”. Như vậy, trong đời sống hiện nay,

người dân nông thôn vẫn coi trọng giá trị tình làng nghĩa xóm, coi trọng quan hệ với hàng xóm láng giềng.

b) Sự tham gia của người dân vào các hoạt động chung của cộng đồng

Giá trị tình làng nghĩa xóm còn được thể hiện trong việc tham gia của người dân vào đời sống sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt văn hóa tinh thần của địa phương hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn người dân tham gia vào các hoạt động xã hội ở địa phương. Ví dụ: có gần 90% người dân tham gia các hoạt động lễ hội trong năm; 95,3% đóng góp cho lễ hội (tiền/ công sức); 99,7% thăm hỏi, động viên gia đình có người ốm đau...; 98% đóng góp từ thiện và một tỷ lệ đáng kể (94,7%) người dân tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Người dân nông thôn rất tích cực đóng góp các quỹ địa phương với tỷ lệ 89,2% thường xuyên tham gia đóng góp quỹ này. Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, dịch họa (chiếm 72,6%) và đóng góp các quỹ quốc gia (vì người nghèo,...) cũng được số đông người dân thường xuyên tham gia (chiếm 76,2%). Các hoạt động công ích cũng thu hút sự tham gia đóng góp thường xuyên của người dân, trong đó khoảng một nửa người dân đóng góp tiền mặt, 1/3 nông dân đóng góp hiện vật, và 1/2 người dân đóng góp sức lao động.

Như vậy, các hình thức tham gia của người dân vào các hoạt động chung của cộng đồng, địa phương khá đa dạng, bao gồm cả đóng góp công sức và tiền bạc, ngày công. Các hoạt động xã hội người dân tham gia bao gồm bảo vệ môi trường, thăm hỏi, động viên gia đình có người ốm đau, mất, đóng góp cho hoạt động của lễ hội, phòng chống thiên tai/ tội phạm, trong đó bảo vệ môi trường và phòng, chống để đảm bảo an ninh trật tự là những lĩnh vực người dân tham gia tích cực nhất. Có thể nói, trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, tính cộng đồng là giá trị văn hóa truyền thống không những được gìn giữ mà còn phát huy. Việc tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng như trên, một mặt, mang lại những đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng, mặt khác giúp người dân hiểu cách thức cộng đồng và xã hội vận hành, gắn bó hơn với cộng đồng địa phương, tạo dựng các liên hệ với người dân ở địa phương, qua đó tăng cường truyền thống đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng, các mối quan hệ cộng đồng, vì thế cũng được củng cố chặt chẽ hơn.

c) Liên kết, giúp đỡ nhau trong làm ăn, sản xuất

Một trong những đặc thù của làng xã truyền thống là sự liên kết cộng đồng hay truyền thống tình làng nghĩa xóm được biểu hiện qua hình thức tương trợ, hợp tác trong sản xuất giữa các thành viên trong làng. Quá trình sản xuất là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến việc gìn giữ và thúc đẩy truyền thống tình làng nghĩa xóm. Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết (85,3%) người dân cho rằng: “Phải biết giúp đỡ các hộ gia đình khác làm kinh tế/ làm giàu”. Quan niệm này đúng với tất cả các nhóm xã hội ở nông thôn hiện nay, dù làm nông nghiệp hay phi nông nghiệp, trẻ tuổi hay cao tuổi,...

Hỗ trợ, giúp đỡ hàng xóm láng giềng là một trong những nét đặc trưng của cộng đồng nông thôn. Có tới 76,2% người dân thường xuyên hỗ trợ, giúp đỡ hàng xóm láng giềng. Điều đó cho thấy sự hợp tác, tương trợ trong sản xuất vẫn tiếp tục được người dân nông thôn ngày nay lưu giữ và phát huy.

Mạng lưới liên kết hợp tác trong sản xuất của người dân nông thôn là một chỉ báo quan trọng về tính cộng đồng làng trong hoạt động kinh tế. Kết quả khảo sát cho thấy, người dân nông thôn hiện nay đã xây dựng và phát huy tốt các mối liên kết sản xuất kinh doanh với những hộ dân khác. Các hình thức liên kết trong sản xuất kinh doanh của người dân khá đa dạng, thể hiện ở nhiều cấp độ như các kênh liên kết hội, đoàn thể địa phương (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ,...). Trong số những hộ dân có tham gia các hình thức liên kết trong sản xuất kinh doanh, mức độ phổ biến là liên kết trong nhóm nhỏ dưới 5 hộ gia đình (chiếm 32,5%) và tham gia hợp tác xã (chiếm 28,8%). Đổi công là một hình thức trao đổi lao động được xã hội nông thôn truyền thống thường xuyên thực hiện nay hầu như không còn tồn tại (1,5%). Tiêu thụ sản phẩm là hình thức liên kết trong sản xuất của số ít hộ dân (1%). Còn các hình thức liên kết khác đều có tỷ lệ cao như liên kết thuê máy cày (85,3%), làm giúp (67%) và mua phân bón (55,7%). Thuê máy cày là hình thức liên kết mới, không có trong kỹ thuật canh tác truyền thống, nó là sản phẩm kỹ thuật canh tác dùng máy thay thế công việc thô sơ. Làm giúp là hình thức liên kết mang tính truyền thống nhưng hiện nay vẫn chiếm tỷ lệ khá cao trong hoạt động sản xuất của người dân nông thôn. Như vậy, có thể thấy rằng, tinh thần hợp tác, đoàn kết trong sản xuất, kinh doanh là một trong những nét đặc trưng của người dân nông thôn ngày nay.

d) Giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống

“Đối với người dân, giá trị của làng rất đa dạng, chứ không chỉ bó hẹp trong làm ăn kinh tế” (Mai Văn Hai, 2009). Sự giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống là một trong những biểu hiện rõ nét nhất của giá trị tình làng nghĩa xóm. Để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống (tai nạn, mất mùa, ốm đau,...), người dân cần sự chia sẻ, giúp đỡ của các thành viên khác trong cộng đồng làng xã. Sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa những người dân với nhau trong cộng đồng trở thành một phương thức an sinh hữu hiệu bên cạnh những nỗ lực của chính bản thân họ.

Tương trợ lẫn nhau trong một mạng lưới cộng đồng làng xã là một giá trị văn hóa, không chỉ từ lâu mà hiện nay vẫn được người dân coi trọng và duy trì. Theo khảo sát, có khoảng 2/3 người dân thường xuyên thăm hỏi hàng xóm khi có việc như: ốm đau, ma chay, cưới xin, 3/4 cho biết thường nhận được sự giúp đỡ của bạn bè, hàng xóm khi họ ốm đau, khó khăn về kinh tế, tình cảm, hay gia đình gặp chuyện đau buồn,... Xét trong 1 năm qua, khi được hỏi về mức độ thăm hỏi, động viên gia đình có chuyện buồn (người ốm đau, mất,...), hầu hết (99,7%) người trả lời đều đến thăm hỏi, động viên các gia đình đó. Có gần một nửa số người được hỏi cho biết họ ít nhất 1 hoặc 1 vài lần/năm có đến thăm hỏi, động viên gia đình khác khi họ gặp chuyện đau buồn trong cuộc sống. Khi xem xét theo các nhóm xã hội khác nhau, chúng tôi nhận thấy rằng, không có sự khác biệt trong hoạt động thăm hỏi, động viên gia đình khác khi gặp chuyện đau buồn trong cuộc sống. Điều này cho thấy, người dân nông thôn hiện nay vẫn tiếp tục duy trì giá trị truyền thống về sự giúp đỡ, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống, nhất là khi gặp chuyện khó khăn, đau buồn. Đây là một giá trị cần tiếp tục gìn giữ và phát huy trong phát triển cộng đồng nông thôn hiện nay.

Khi được hỏi ý kiến đánh giá về quan hệ hiện nay giữa ông/ bà với hàng xóm láng giềng như thế nào, kết quả khảo sát cho thấy, có 51,7% người dân có quan hệ thân thiết/ hòa đồng (rất gần bó), 44,7% người dân có quan hệ tốt (gần bó). Người dân nông thôn, dù thuộc bất kỳ nhóm xã hội nào, nam hay nữ, làm nông nghiệp hay phi nông nghiệp, ở bất kỳ tôn giáo, mức sống, độ tuổi và trình độ học vấn nào cũng đều có mối quan hệ gần bó với hàng xóm láng giềng. Nhìn chung, giá trị tình làng nghĩa xóm thay đổi theo xu hướng tích cực hơn. Có gần một nửa người dân cho biết quan hệ của họ với hàng xóm láng giềng tốt hơn so với 5 năm trước.

3.2. Giá trị gia đình

Giá trị gia đình được thể hiện trên nhiều khía cạnh (kinh tế - vật chất, quan hệ xã hội, tâm linh - tín ngưỡng,...). Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu đánh giá người dân về vai trò của gia đình và giá trị trong các mối quan hệ trong gia đình.

a) Đánh giá về vai trò của gia đình

Bài viết này tìm hiểu giá trị gia đình thông qua kết quả khảo sát đánh giá của người dân nông thôn về vai trò của gia đình trong đời sống hiện nay, được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1: Đánh giá của người dân về vai trò của gia đình

Mức đánh giá	Số lượng	Tỷ lệ
Rất quan trọng	215	71,7%
Quan trọng	85	28,3%
Không quan trọng	0	0%
Tổng	300	100%

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 hộ dân tại Bắc Giang, Lâm Đồng và Cần Thơ năm 2019.

Số liệu bảng 1 cho thấy, tất cả (100%) người được hỏi đều khẳng định gia đình là “quan trọng” và “rất quan trọng”, trong đó tỷ lệ người cho là “rất quan trọng” chiếm tới 71,7%. Đáng lưu ý, đánh giá này của người dân được thể hiện tương đối giống nhau giữa các nhóm xã hội, dù là nam hay nữ, trẻ tuổi, trung niên hay người cao tuổi,... Như vậy, tất cả người dân đều cho rằng gia đình vẫn có vai trò “quan trọng” và “rất quan trọng”. Điều đó thể hiện rằng, gia đình vẫn là một giá trị không thể thiếu trong đời sống của người dân nông thôn hiện nay.

Để hiểu sâu hơn vấn đề nghiên cứu, chúng tôi tìm hiểu đánh giá của người dân về 5 khía cạnh vai trò của gia đình: (1) Là nơi để tái sản xuất ra con người; (2) Là nơi tái sản xuất sức lao động, phát triển kinh tế; (3) Là nơi nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em trưởng thành; (4) Là nơi nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí; (5) Là nơi thỏa mãn tình cảm, nhu cầu tâm - sinh lý cá nhân. Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết người dân đều đồng tình với các

vai trò của gia đình kể trên. Tất cả (100%) người trả lời cho rằng gia đình là nơi để tái sản xuất ra con người; 96,3% cho biết gia đình là nơi tái sản xuất sức lao động, phát triển kinh tế; 97% người dân cho biết gia đình là nơi nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em trưởng thành; tỷ lệ này ở các đánh giá “gia đình là nơi nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí” và “gia đình là nơi thỏa mãn tình cảm, nhu cầu tâm - sinh lý cá nhân” tương ứng 97,3% và 98,7%. Như vậy, sự khẳng định của hầu hết người được phỏng vấn về 5 khía cạnh đã nêu cho thấy, gia đình vẫn đóng vai trò quan trọng. Sự thống nhất cao giữa các nhóm xã hội trong việc đánh giá 5 vai trò cơ bản của gia đình là minh chứng cho sự đánh giá của người dân về gia đình như một giá trị không thể thiếu trong đời sống người dân nông thôn hiện nay.

b) Giá trị các mối quan hệ trong gia đình

Giá trị gia đình của người dân nông thôn còn được thể hiện ở việc họ nhận thức về vai trò và ý nghĩa của các quan hệ gia đình, họ hàng. Chúng tôi đặt câu hỏi cho người dân về sự đồng ý của họ đối với nhận định: “Một giọt máu đào hơn ao nước lã” để đo lường mức độ coi trọng quan hệ gia đình, anh em, họ hàng. Kết quả cho thấy, hầu hết (83,7%) người dân đồng tình với nhận định này. Số liệu phân tích tương quan cũng cho thấy quan niệm này khá thống nhất giữa các nhóm xã hội.

Giá trị gia đình còn được thể hiện qua sự gắn kết giữa các thành viên qua bữa ăn tối cùng nhau, trao đổi trò chuyện giữa con cái với cha mẹ, ông bà, và tham gia các hoạt động gia đình cùng nhau. Một tỷ lệ đáng kể (69,7%) người dân đồng tình rằng “Các thành viên gia đình phải thường xuyên ăn bữa tối cùng nhau”. Hầu hết người trả lời (96,3%) cho biết thường xuyên trao đổi, trò chuyện giữa con cái với cha mẹ, ông bà. Tham gia các hoạt động gia đình cùng nhau cũng là một tương tác khá thường xuyên giữa các thành viên trong gia đình (chiếm 89,3%).

Giá trị gia đình cũng được thể hiện qua sự yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống (ốm đau, khó khăn kinh tế, tình cảm,...). Đa số người dân (88%) nhận được sự giúp đỡ từ các thành viên khác trong gia đình khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Kết quả khảo sát còn cho thấy, có tỷ lệ cao (96,7%) người dân cho rằng, cần “Kính trọng, phụng dưỡng ông bà”. Như vậy, kính trọng người cao tuổi trong gia đình, tạo sự gắn kết, chia sẻ, giúp đỡ nhau vẫn là những giá trị truyền thống về gia đình được người dân coi trọng và bảo lưu.

Đáng lưu ý, có khoảng 50% người dân cho biết: “Gia đình không nhất thiết lúc nào cũng phải ăn cùng nhau”. Điều này một mặt cho thấy cuộc sống hiện đại ngày càng xâm nhập vào các gia đình nông thôn. Trong xã hội truyền thống, các thành viên trong gia đình luôn gắn kết với nhau thông qua bữa ăn. Ngồi ăn uống cùng nhau là dịp để các thành viên gia đình chia sẻ và trao đổi với nhau nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày. Nhưng hiện nay, do bận rộn công việc và thời gian sinh hoạt, làm việc khác nhau, các thành viên trong gia đình không phải lúc nào cũng có thể ngồi ăn với nhau, vì thế tính gắn kết, chia sẻ giữa

các thành viên gia đình cũng bị ảnh hưởng đáng kể, mối quan hệ gia đình cũng lỏng lẻo hơn. Tuy nhiên, chỉ báo này cũng phản ánh rằng, trong nhịp sống bận rộn của xã hội hiện đại ngày nay, người dân nông thôn cũng tôn trọng sự khác biệt trong sinh hoạt và công việc, thời gian của các thành viên khác trong gia đình.

3.3. Giá trị làm giàu

a) Quan niệm về đồng tiền

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tầm quan trọng của việc nghiên cứu thái độ, quan điểm đối với đồng tiền (Simmel, G., 1997), bởi lẽ thái độ, quan điểm của một nhóm người nào đó trong xã hội về đồng tiền giúp giải thích hành vi làm giàu của họ. Kết quả khảo sát quan niệm và thái độ của người dân nông thôn về đồng tiền được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2: Quan niệm và thái độ của người dân về đồng tiền

Nhận định	Đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý	Tổng số
Tôi thường cảm thấy kém cỏi hơn những người có nhiều tiền hơn mình	30,1%	10,2%	59,7%	100%
Ở nơi tôi đang sống, mọi người dùng tiền để so sánh giữa mọi người với nhau	5,3%	7,5%	87,2%	100%
Tôi thường cảm thấy coi nhẹ đồng tiền và những kẻ có tiền	3,4%	85,6%	11%	100%
Có tiền là có tất cả	30%	61,7%	8,3%	100%
Đồng tiền là nguồn gốc sinh ra mọi tội lỗi	45,7%	42%	12,3%	100%

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 hộ dân tại Bắc Giang, Lâm Đồng và Cần Thơ năm 2019.

Số liệu bảng 2 cho thấy, đa số người dân không cho rằng: “Ở nơi họ sống, mọi người dùng tiền để so sánh giữa mọi người với nhau” (87,2%). Tuy nhiên, có 7,5% người dân tỏ ra phân vân (đồng ý một phần) và 5,3% người dân đồng tình với nhận định trên. Như vậy, việc xem đồng tiền như là một giá trị, thước đo hay tiêu chí để so sánh sự khác biệt xã hội đã tồn tại, nhưng chưa phải là phổ biến trong cộng đồng nông thôn hiện nay.

Có tới gần 1/3 người dân được hỏi cho rằng họ “cảm thấy kém cỏi hơn những người có nhiều tiền hơn mình” và chỉ có khoảng 1/10 người dân đồng ý một phần với nhận định này. Điều đó phản ánh suy nghĩ tiêu cực của một bộ phận người dân nông thôn hiện nay về giá trị của đồng tiền và bản thân họ. Đáng nói là quan niệm tiêu cực trên có thể ảnh hưởng tới sự phấn đấu và nỗ lực làm giàu của một số người dân như chủ động nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn,...

Có tới 30% người dân đồng ý và khoảng 61,7% đồng ý một phần với quan điểm cho rằng “Có tiền là có tất cả”. Kết quả này cho thấy, có không ít người dân nông thôn hiện nay coi trọng việc sở hữu tiền bạc. Họ nhận thức rằng, tiền bạc là phương tiện có thể mang lại

cho họ tất cả những giá trị khác trong cuộc sống. Số liệu cũng cho thấy sự khác biệt đáng kể trong quan niệm và thái độ về đồng tiền giữa các nhóm xã hội. Tỷ lệ người dân có mức sống trung bình (35,3%) và nghèo (34%) cho rằng, “có tiền là có tất cả” cao hơn khoảng 2 lần so với người dân giàu có, khá giả (17,7%). Người dân học vấn càng thấp càng coi trọng tiền bạc bởi 30,5% người dân có học vấn từ tiểu học trở xuống đồng ý rằng “có tiền là có tất cả”, trong khi đó tỷ lệ này ở nhóm trung học cơ sở trở lên là 25%. Nhóm trẻ tuổi (27%) có xu hướng đồng tình với quan điểm “có tiền là có tất cả” hơn so với nhóm trung niên (6,2%) và cao tuổi (3,1%). Điều này cho thấy nhóm trẻ tuổi ngày nay có xu hướng coi trọng giá trị của tiền bạc hơn so với thế hệ trước đây. Quan niệm về đồng tiền như vậy có thể dẫn tới việc sẵn sàng theo đuổi làm giàu ở nhóm trẻ tuổi.

Có 45,7% người dân đồng ý và 42% đồng ý một phần với nhận định “đồng tiền là nguồn gốc sinh ra mọi tội lỗi”, 3,4% người dân “thường cảm thấy coi nhẹ đồng tiền và những người có tiền” và có tới 85,6% người dân đồng ý một phần với nhận định này. Đáng nói là, cách nhìn và thái độ như vậy về đồng tiền được thể hiện ở cả nhóm nam và nữ, ở các nhóm học vấn hay hoạt động nghề nghiệp. Có lẽ cách nhìn nhận đối lập giữa “đạo đức” và “đồng tiền” bởi ảnh hưởng từ các quan điểm truyền thống là căn nguyên giải thích cho quan niệm và thái độ đối với đồng tiền như trên. Thực tế ở Việt Nam cho thấy, không ít các sự kiện hay vấn đề xã hội hiện nay thường được lý giải căn nguyên từ tiền bạc, gán cho nó nguyên nhân “vì tiền”. Nói cách khác, theo quan điểm truyền thống, “vì tiền” là đánh giá đi đôi với hành vi “phản đạo đức” (Trần Hữu Quang, 2007). Điều này được thể hiện rõ ở nhóm trung niên và cao tuổi, thế hệ vốn bị ảnh hưởng bởi các quan điểm văn hóa truyền thống đậm nét hơn so với lớp thế hệ trẻ ngày nay.

b) Quan niệm về giá trị và hoạt động làm giàu

Bảng 3: Quan niệm của người dân về giá trị và hoạt động làm giàu

Nhận định	Đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý
Tôi có thể làm bất cứ điều gì để trở nên giàu có	15%	8,7%	76,3%
Trong sản xuất, lao động, tôi chú trọng nhất đến lợi nhuận, hiệu quả kinh tế	76,7%	11,4%	11,9%
Cần khuyến khích làm giàu một cách chính đáng, hợp pháp	91,3%	8,7%	0%
Không thể làm giàu bằng các hoạt động kinh tế “chộp giật”, phi pháp	30,4%	18%	51,6%
Đối với tôi, sống tử tế quan trọng hơn là làm ra nhiều tiền	20,5%	66,6%	12,9%
“Đói cho sạch, rách cho thơm”	75%	13,7%	11,3%
Tôi sẽ không làm điều gì ảnh hưởng đến cộng đồng, xã hội dù nó có thể mang lại cho tôi nhiều tiền hơn	65,8%	24,4%	9,8%

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 hộ dân tại Bắc Giang, Lâm Đồng và Cần Thơ năm 2019.

Mặc dù người dân hiện nay có thái độ đề cao hiệu quả và lợi nhuận trong lao động, sản xuất, song yếu tố “đạo đức” vẫn được nhấn mạnh và coi trọng trong các quan niệm về làm giàu. Theo số liệu bảng 3, có 75% nông dân cho rằng “đói cho sạch, rách cho thơm” và 91,3% người dân cho rằng cần khuyến khích làm giàu một cách chính đáng, hợp pháp. Đặc biệt, 65,8% người dân cho rằng sẽ không làm điều gì ảnh hưởng tới cộng đồng, xã hội dù nó có thể mang lại cho họ nhiều tiền hơn. Tuy nhiên, vẫn có tỷ lệ nhất định người dân không đồng ý và có thái độ “nước đôi” (phân vân) với các nhận định, quan niệm “đạo đức” trong làm giàu, 51,6% người dân không đồng tình rằng “không thể làm giàu bằng các hoạt động kinh tế chộp giật, phi pháp”, tức là có khoảng một nửa người dân cho rằng có thể làm giàu bằng các hoạt động kinh tế chộp giật, phi pháp, 20,5% nông dân không đồng ý và 66,6% người dân phân vân với nhận định rằng “đói với tôi, sống tử tế quan trọng hơn là làm ra nhiều tiền”, 9,8% người dân không đồng tình và 24,4% phân vân với nhận định “Tôi sẽ không làm điều gì ảnh hưởng đến cộng đồng, xã hội dù nó có thể mang lại cho tôi nhiều tiền hơn”. Nhìn chung, số liệu ở bảng 3 cho thấy người dân nông thôn ngày nay có thái độ không rõ ràng ở các quan điểm đạo đức hay kinh tế trong hoạt động làm giàu. Thái độ “nước đôi” như vậy phản ánh sự đan xen giữa các giá trị văn hóa đạo đức và giá trị kinh tế trong lao động và sản xuất của người lao động nông thôn ngày nay. Một số người dân đã có những tính toán thiệt hơn trong làm ăn, họ coi trọng giá trị lợi nhuận và hiệu quả trong sản xuất, song họ cũng có quan điểm mang tính chất “đạo đức” của xã hội nông thôn truyền thống.

c) Các hoạt động và định hướng làm giàu

Người dân nông thôn có nhiều hoạt động để nâng cao thu nhập và làm giàu. Đa số hộ dân (72,6%) đã chủ động chuyển đổi ngành nghề, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi để tạo nguồn thu nhập cao và ổn định hơn. Tìm kiếm mô hình làm ăn kinh tế phù hợp nhất cũng là hoạt động được nhiều hộ dân thực hiện trên con đường làm giàu (83,8%). Các hộ dân cũng hướng tới sự giàu có thông qua gia tăng thời gian làm việc (89%). Hầu hết hộ dân (93,2%) bên cạnh hoạt động sản xuất nông nghiệp, còn làm thêm các ngành nghề phi nông để tạo thu nhập cao hơn. Ngoài ra, người dân cũng tham gia các lớp đào tạo nghề, kỹ thuật (38,7%), tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm (72,2%), tìm hiểu các thông tin liên quan tới làm ăn (67,8%), áp dụng kiến thức, kỹ thuật sản xuất mới (58,5%), liên kết, hợp tác trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (58,5%),...

Nhìn chung, người dân nông thôn hiện nay đặt mục tiêu khá cao trong sản xuất. Có 56,7% người dân được hỏi cho rằng, trong 2 năm tới mục tiêu sản xuất của hộ gia đình mình là làm ra thật nhiều tiền. Chỉ có 5,4% hộ dân không có mục tiêu nào, làm bao nhiêu cũng được. Việc đặt ra những mục tiêu cao thể hiện sự cố gắng của người dân trong việc vượt lên cuộc sống hiện tại, đồng thời cho thấy phát triển kinh tế, làm giàu là giá trị mà người dân ngày nay đang theo đuổi.

3.4. Giá trị tâm linh - tín ngưỡng

Đời sống tâm linh - tín ngưỡng là một hình thức đặc biệt của ý thức con người và ý thức xã hội. Hướng đến thế giới tâm linh là một nhu cầu trong đời sống tinh thần của con người, đồng thời là một trong những cách để con người sống lương thiện và tốt đẹp hơn.

a) Nhận định của người dân về giá trị tâm linh - tín ngưỡng

Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu ý kiến của người dân về một số nhận định liên quan tới giá trị tâm linh - tín ngưỡng, qua đó góp phần hiểu biết về tâm lý hướng thiện, tâm lý thờ cúng và phong trào khôi phục tập quán - tín ngưỡng đã diễn ra ở hầu hết các làng xã Việt Nam hiện nay.

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết người dân nông thôn hiện nay tin rằng “ở hiền gặp lành” (82%), gần 60% người được hỏi trả lời rằng “phú quý sinh lễ nghĩa”, đa số (khoảng 3/4) người dân vẫn nghĩ “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”. Như vậy, có thể thấy thờ cúng là một trong những nét văn hóa truyền thống của người Việt đến nay vẫn được lưu giữ. Văn hóa “có thờ có thiêng, có kiêng có lành” xuất phát từ nhu cầu bình an, mong muốn sức khỏe, hạnh phúc, an lạc của người Việt. Số liệu trên cũng cho thấy đạo lý sống thiện trong ứng xử - “ăn ở hiền lành” vẫn được người dân nông thôn hiện nay coi trọng. Đạo lý sống này gắn liền với đạo thờ tổ tiên. Đạo thờ tổ tiên trở thành nét văn hóa đặc thù cho lối sống của đạo lý sống thiện “ăn ở hiền lành” của người Việt từ bao đời nay.

Chúng tôi còn nhận thấy có một “phong trào khôi phục tập quán - tín ngưỡng” đã diễn ra hầu hết ở các làng xã. Đó là việc khôi phục lại đình, chùa, nhà thờ, mộ mả, lễ hội và các phong tục khác. Cũng có người đã viện câu nói “phú quý sinh lễ nghĩa” để giải thích hiện tượng thay đổi theo cách phục cổ nói trên, phản ánh những thay đổi trong điều kiện kinh tế, những biến đổi trong đời sống văn hóa. Như vậy, số liệu cho thấy nhu cầu hướng về văn hóa tâm linh của người dân nông thôn hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh thu nhập và mức sống vật chất của người dân được tăng lên đáng kể trong những năm qua. Khi có điều kiện tốt hơn về vật chất, việc khôi phục tập quán, tín ngưỡng trở thành xu hướng chủ đạo trong đời sống văn hóa của người dân nông thôn. Điều này cũng đúng với truyền thống “vinh quy bái tổ” của dân tộc Việt Nam từ hàng nghìn năm qua.

b) Các hoạt động thờ cúng tại nhà

* Thực hành thờ cúng tại nhà vào các dịp trong năm

Hoạt động thờ cúng tổ tiên là một hình thức tín ngưỡng thờ cúng tại nhà, thể hiện nhu cầu văn hóa tâm linh của người dân. Phong tục thờ cúng tổ tiên của dân tộc Việt Nam từ rất lâu đời. Đó là một phong tục tốt đẹp, giàu bản sắc và có vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt, nhằm nhắc nhở con cháu nhớ về tổ tiên, nguồn cội.

Thờ cúng tổ tiên là hành vi tín ngưỡng của đa số gia đình Việt Nam. Lo cho ngày giỗ ông bà tổ tiên hàng năm là hoạt động bắt buộc đối với đa số gia đình. Dù nghèo, các gia đình vẫn phải cố gắng thu xếp, tổ chức ngày giỗ ông bà tổ tiên chu đáo. Đây cũng là hình thức sinh hoạt văn hóa tâm linh đậm nét truyền thống của người Việt. Tập tục tín ngưỡng này đã có lịch sử hàng nghìn năm nay và đến nay nó vẫn là giá trị văn hóa cốt lõi, được nhiều gia đình thực hành đều đặn. Xem xét mức độ thờ cúng tại gia đình hàng năm cho thấy, về đối tượng thờ cúng, trong số 300 hộ được khảo sát, có 95,3% số hộ có thờ cúng ông bà tổ tiên (giỗ gia tiên).

Bên cạnh hoạt động thờ cúng tổ tiên, các hộ gia đình có những ngày lễ tâm linh khác, tỷ lệ số hộ tham gia thực hành thờ cúng vào các dịp khác trong năm như cúng ngày Rằm và mừng Một hàng tháng; cúng Rằm tháng Giêng,... đều ở mức từ gần 70%-94,7% (trừ hoạt động cúng lễ hóa vàng là 28,7%). Việc cúng lễ tại gia đình là một thực hành văn hóa cổ truyền. Số liệu khảo sát ở bảng 4 cho thấy, nhìn chung, các phong tục cúng giỗ tại gia đình vẫn còn được bảo tồn.

Bảng 4: Tỷ lệ hộ gia đình thực hành thờ cúng vào các dịp trong năm

Các hoạt động thờ cúng tại nhà	Tỷ lệ (%)
Giỗ gia tiên (thờ cúng ông bà tổ tiên)	95,3
Ngày Rằm, mừng Một hàng tháng	69,7
Rằm tháng Giêng	74,3
Lễ Thanh minh (3-3)	70,3
Tết Đoan ngọ (5-5)	83,7
Xá tội vong nhân (Rằm tháng 7)	70,0
Trung thu (Rằm tháng 8)	81,7
Ông Công ông Táo (23-12)	94,7
Cúng Giao thừa	98,3
Lễ hóa vàng	28,7

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 hộ dân tại Bắc Giang, Lâm Đồng và Cần Thơ năm 2019.

** Ý nghĩa của hành vi tín ngưỡng thờ cúng tại nhà*

Tìm hiểu ý nghĩa của hành vi tín ngưỡng thờ cúng tại gia đình vào các dịp trong năm, hầu hết các ý kiến khẳng định rằng đó là phong tục, tập quán truyền thống tốt, cần được gìn giữ (96%); 80,7% cho rằng, đó là dịp để giáo dục con cháu lòng kính trọng, tưởng nhớ công lao của ông bà tổ tiên; 68,7% hành lễ để cầu những điều tốt đẹp cho các thành viên của gia đình. Có thể nói, hầu hết các gia đình hiện nay đều tổ chức việc thờ cúng tại gia với các mức độ, quy mô khác nhau, như là một nhu cầu văn hóa tâm linh trong đời sống tín ngưỡng vốn đã là truyền thống xa xưa còn được lưu giữ của người Việt. Ngoài việc lưu giữ, kế thừa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp, còn là dịp để giáo dục con cháu về nguồn gốc gia đình, lòng kính trọng và tưởng nhớ công lao của tổ tiên.

c) Tham gia lễ hội

Lễ hội là một sự kiện quan trọng hàng năm đối với mỗi cộng đồng dân cư. Ở làng quê Việt Nam xưa, lễ hội làng là hình thức sinh hoạt tiêu biểu nhất và cũng tập trung nhất trong đời sống tinh thần của cộng đồng làng (Mai Văn Hai, 2006). Tham gia lễ hội truyền thống ở địa phương cũng là một chỉ báo về sinh hoạt tâm linh trên khía cạnh văn hóa.

Kết quả khảo sát cho thấy, các lễ hội truyền thống là một trong những sinh hoạt văn hóa cổ truyền quan trọng của hầu hết các cộng đồng cư dân nông thôn. Các lễ hội truyền thống của quê hương vẫn có sức hút đáng kể đối với người dân nông thôn. Có thể nói, với những cư dân ở thôn quê, lễ hội làng là một nhu cầu không thể thiếu. Hiện nay người dân vẫn rất trân trọng đối với lễ hội làng. Trong số 300 người được hỏi, có gần 90% người đã từng tham gia các hoạt động lễ hội trong năm, trong đó 36,7% người dân tham gia tất cả các lễ hội của địa phương và 53% tham gia một số lễ hội. Chỉ 10,3% người dân trong mẫu khảo sát không tham gia các lễ hội truyền thống của địa phương. Lễ hội truyền thống là hình thức sinh hoạt văn hóa mang đậm giá trị tâm linh và đến nay nó vẫn giữ nguyên giá trị và thu hút sự tham gia của người dân.

Như vậy, qua việc tìm hiểu ý kiến của người dân về một số nhận định liên quan tới giá trị tâm linh - tín ngưỡng, phân tích các hoạt động thờ cúng tại gia đình và việc tham gia lễ hội cho thấy, những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp trong đời sống tinh thần nói chung và hoạt động tâm linh nói riêng vẫn được duy trì, tiếp nối và tương đối đồng thuận, thống nhất của các nhóm xã hội ở nông thôn.

4. Kết luận

Người dân nông thôn hiện nay vẫn rất coi trọng quan hệ với hàng xóm láng giềng. Giá trị truyền thống tình làng nghĩa xóm, sự chia sẻ, hợp tác tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống, nhất là khi gặp khó khăn, đau buồn hoặc gia đình có việc hệ trọng vẫn tiếp tục được đa số người dân nông thôn ngày nay coi trọng, gìn giữ và phát huy. Phát huy tính cộng đồng hay giá trị tình làng nghĩa xóm vốn là một truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa của dân tộc Việt Nam, là cơ sở để duy trì mối quan hệ gắn bó bền chặt giữa các thành viên trong gia đình, giữa gia đình với họ hàng, làng xóm.

Bên cạnh giá trị tình làng nghĩa xóm thì gia đình là một trong những giá trị cơ bản nhất và rất đặc thù của người dân Việt Nam. Giá trị văn hóa truyền thống này tiếp tục được người dân nông thôn hiện nay gìn giữ và phát huy trong bối cảnh xã hội mới (kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, toàn cầu hóa,...). Có thể nói, người dân Việt Nam đặc biệt coi trọng gia đình. Đối với họ, gia đình không chỉ dừng lại ở mối quan hệ ruột thịt, mà còn là sự yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống hoặc giúp đỡ nhau khi có việc hệ trọng. Trong gia đình, các quan hệ giữa các thành viên được đặc biệt coi trọng, ngoài liên kết với nhau qua các sinh hoạt chung như các bữa ăn,... thì sự kính trọng, phụng dưỡng người già, cha mẹ là những giá trị quan trọng trong đời sống gia đình.

Ngày nay, sự giàu có trở thành mục tiêu phấn đấu của đa số người dân. Giá trị này thể hiện ở hầu hết các nhóm xã hội và hầu như không có sự khác biệt giữa người làm nông nghiệp hay phi nông nghiệp, học vấn cao hay thấp. Hiệu quả kinh tế được chấp nhận và đề cao, trở thành giá trị căn bản của người dân, đặc biệt ở nhóm trẻ trong bối cảnh xã hội mới. Làm giàu, đặc biệt ở nhóm trẻ đã trở thành giá trị hàng đầu, vượt trội hơn so với các giá trị khác. Giá trị này gắn liền với giá trị nghề nghiệp, lao động. Tư duy về làm giàu của người dân, đặc biệt ở nhóm trẻ trở nên đậm nét hơn, góp phần tạo ra những động lực tinh thần và lối ứng xử hướng tới sự giàu có.

Khi đời sống, đặc biệt ở khía cạnh vật chất được nâng lên, người dân có nhiều điều kiện để tiếp cận và hưởng thụ đa dạng nhiều giá trị văn hóa, bao gồm cả giá trị truyền thống và hiện đại. Giá trị hướng về văn hóa tâm linh hiện nay trở thành nhu cầu không thể thiếu trong đời sống văn hóa của người dân nông thôn. Phong trào khôi phục tập quán, tín ngưỡng như cái tạo, xây dựng đình, đền chùa, miếu mạo, hay nhà thờ tổ tiên, nhà thờ dòng họ,... đã trở thành xu hướng chủ đạo trong đời sống của người dân nông thôn.

Như vậy, qua hơn 30 năm Đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đời sống văn hóa của người dân nông thôn đã có những chuyển biến quan trọng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được đề cao và phát huy, đó là gìn giữ tình làng nghĩa xóm, trọng gia đình, trọng cội nguồn, tổ tiên, phát huy tinh thần tương thân tương ái, phấn đấu, nỗ lực hướng tới sự giàu có,... Đó là những giá trị văn hóa tốt đẹp, rất cần được tiếp tục duy trì và thúc đẩy, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Mai Văn Hai (2006) “Một số giá trị của văn hóa làng Việt vùng châu thổ sông Hồng trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, *Báo cáo đề tài cấp Bộ*.
3. Mai Văn Hai (2009), “Gia đình, dòng họ và thôn làng với tư cách là các giá trị cơ bản của văn hóa làng”, *Tạp chí Xã hội học*, số 1.
4. Mai Văn Hai, Mai Kiệm (2009), *Xã hội học Văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Trần Hữu Quang (2007), “Đòng tiền và xã hội Việt Nam ngày nay”, *Tạp chí Thời đại mới*, số 10.
6. Simmel, G. (1997), *The Philosophy of money*, London: Routledge & Kegan Paul.